

Số 31 /2008/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương,

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 843 /TTr-SNV ngày 23 tháng 5 năm 2008.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1640/2006/QĐ-UBND ngày 01/6/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc ban hành Quy định việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa tại Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận/

- Như điều 3 (để t/h);
- Văn phòng Chính phủ (b/cáo);
- Bộ Giao thông vận tải (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KT Văn bản);
- T.trực TU, HĐND tỉnh, UBMTTQ VN tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh, Báo BR-VT;
- T.âm Công báo tỉnh; lưu VT, TH.

vt.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH



Trần Minh Sanh

QUY ĐỊNH

**Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa
tại Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu**
(ban hành kèm theo Quyết định số ..3.A.../2008/QĐ-UBND
ngày ..3.0. tháng 5. năm 2008 của UBND tỉnh BR-VT)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa tại Sở Giao thông Vận tải được quy định như sau:

1. Tổ chức, công dân có nhu cầu liên hệ giải quyết các thủ tục hành chính đến liên hệ nộp hồ sơ và nhận lại kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

2. Cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm xem xét yêu cầu, hồ sơ của tổ chức, công dân:

a. Tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ, hẹn ngày trả kết quả theo quy định. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cụ thể để tổ chức, công dân bổ sung, hoàn chỉnh.

b. Trường hợp yêu cầu của tổ chức, công dân không thuộc phạm vi giải quyết của Sở thì hướng dẫn để tổ chức, công dân đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

3. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm chuyển hồ sơ của tổ chức, công dân đến các bộ phận chức năng có liên quan để giải quyết.

4. Các bộ phận liên quan có trách nhiệm giải quyết hồ sơ của tổ chức, công dân do bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến, trình lãnh đạo có thẩm quyền ký và chuyển về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo đúng thời gian quy định.

5. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận lại kết quả giải quyết công việc và trả lại tổ chức, công dân theo đúng thời gian đã hẹn, thu phí, lệ phí đối những công việc được thu phí, lệ phí theo quy định.

6. Trường hợp giải quyết hồ sơ không đúng thời gian như đã hẹn thì bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, công dân biết lý do và hẹn lại thời gian trả kết quả.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Cơ sở pháp lý của các thủ tục hành chính

- Luật Giao thông đường bộ ban hành ngày 29/6/2001;
- Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 16/11/2003;
- Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu

tư xây dựng công trình;

- Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05/11/2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Nghị định 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Thông tư số 02/2007/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và xử lý chuyển tiếp thực hiện Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005;

- Thông tư 13/2005/TT-BGTVT ngày 07/11/2005 hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định 186/2004/NĐ-CP;

- Quyết định số 4170/2004/QĐ-UB ngày 24/6/2004 của UBND tỉnh v/v Quy định tạm thời về quản lý và sử dụng vỉa hè, lòng đường đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

- Quyết định số 04/2006/QĐ-BGTVT ngày 09/01/2006 ban hành quy định về đảm bảo ATGT khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ;

- Quyết định số 55/2007/QĐ-BGTVT ngày 07/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc ban hành Quy chế quản lý đào tạo lái xe cơ giới đường bộ;

- Quyết định số 63/2007/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2007 của Bộ GTVT ban hành Quy định vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và lưu hành xe bán xích gây hư hại mặt đường, xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn của đường bộ trên đường bộ;

- Quyết định 54/2007/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ GTVT về việc ban hành Quy chế quản lý sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Quyết định 4132/2001/QĐ-BYT ngày 04/10/2001 của Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chuẩn sức khỏe người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới;

- Quyết định số 4381/2001/QĐ-BGTVT ngày 19/12/2001 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định cấp, đăng ký biển số và kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe, máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

- Quyết định số 29/2004/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2004 của Bộ Giao thông vận tải v/v ban hành Quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Quyết định số 15/2005/QĐ-BGTVT của Bộ GTVT ngày 15/02/2005 ban hành quy định v/v cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;

- Quyết định số 07/2005/QĐ-BGTVT ngày 07/01/2005 ban hành Quy chế quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa;

- Quyết định số 36/2004/QĐ-BGTVT ngày 23/12/2004 v/v ban hành quy chế thi, cấp, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;

- Quyết định số 100/CĐS-TCCB ngày 23/02/2005 v/v thực hiện quy chế thi, cấp, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;

- Quyết định 38/2006/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 11 năm 2006 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế thi, cấp, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;

- Công văn số 231/ĐK ngày 23/03/2005 của Cục Đăng kiểm Việt Nam v/v kiểm tra chất lượng ATKKT phương tiện cơ giới đường bộ cải tạo theo Quyết định số 15/QĐ/QĐ-BGTVT của Bộ GTVT;

- Công văn số 756/CĐS-PCVT ngày 15/12/2004 của Cục Đường sông Việt Nam hướng dẫn thực hiện Quyết định số 29/2004/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Văn bản 08/CĐS-TCCB ngày 05/01/2007 về việc hướng dẫn thực hiện quy chế thi, cấp, đổi bằng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa;

- Văn bản số 285/PTNL ngày 25/02/2002 của Cục Đường bộ Việt Nam về triển khai thực hiện Quyết định số 4381/2001/QĐ-BGTVT;

- Văn bản số 119/CĐBVN-QLPT&NL ngày 09 tháng 01 năm 2008 về việc hướng dẫn đổi Giấy phép lái xe;

- Công văn số 121/CĐBVN-QLPT&NL ngày 09/01/2008 của Cục ĐBVN v/v hướng dẫn thực hiện Quyết định số 55/2007/QĐ-BGTVT ngày 07/11/2007.

Điều 3. Các thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa gồm

1. Thủ tục cấp đổi giấy phép xe tập lái.
2. Thủ tục cấp giấy phép xe lưu hành đặc biệt.
3. Thủ tục cấp, đổi giấy phép lái xe (GPLX).
4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, máy thi công.
5. Thủ tục đăng ký, đăng ký lại, chuyển sở hữu, chuyển vùng phương tiện thủy nội địa.
6. Thủ tục thẩm định thiết kế cải tạo phương tiện cơ giới.
7. Thủ tục cấp giấy phép thi công.
8. Thủ tục công bố cảng, cấp giấy phép bến thủy nội địa.
9. Thủ tục thẩm định thiết kế cơ sở.
10. Thủ tục cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng 3 phương tiện thủy nội địa.
11. Các thủ tục được nêu từ khoản 1 đến khoản 10 điều này thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải; riêng thủ tục công bố cảng thủy nội địa đối với cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại điểm b khoản 8 điều 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông Vận tải nhưng chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Giao thông Vận tải.

Điều 4. Hồ sơ, thời gian giải quyết, phí, lệ phí của từng thủ tục đã nêu tại điều

3 như sau

1. Thủ tục cấp đổi Giấy phép xe tập lái

a) Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị cấp giấy phép xe tập lái có kèm theo danh sách các xe (nếu cấp lần đầu);

- 01 Giấy đăng ký phương tiện;

- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ;

- 01 Giấy Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự;

- 01 Hợp đồng thuê xe (nếu là xe thuê).

b) Thời gian giải quyết: Không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ tết theo qui định).

c) Mức thu lệ phí: 30.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

2. Thủ tục cấp Giấy phép xe lưu hành đặc biệt.

a) Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị cấp giấy phép lưu hành đặc biệt (theo mẫu);

- 01 Bản photocopy các giấy đăng ký xe;

- 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ (có kèm trang đặc điểm phương tiện).

b) Thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

(Trừ trường hợp phải gia cố cầu, đường để đảm bảo an toàn cho xe lưu hành)

c) Mức thu lệ phí: 30.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ)

Lưu ý: Khi đến nộp hồ sơ phải mang theo các bản chính để đối chiếu với các bản photocopy.

3. Thủ tục cấp, đổi Giấy phép lái xe (GPLX).

Đối với trường hợp cấp mới GPLX, sau khi thí sinh dự sát hạch (thi) đạt kết quả, hồ sơ do Trường CNKT-GTVT chuyển về Sở.

a) Cấp mới Giấy phép lái xe từ hạng A₁ đến A₄:

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị học thi lấy GPLX cơ giới (theo mẫu);

- 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của người lái xe có động cơ (theo mẫu do bệnh viện huyện trở lên cấp);

- 01 Bản sao Giấy CMND có chứng thực;
- 01 Danh sách thí sinh trúng tuyển cấp GPLX;
- 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.

Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định trúng tuyển (không kể ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu phí: Theo Thông tư 53/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 21/5/2007 hướng dẫn chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

- Sát hạch lý thuyết: 30.000 đồng/lần.
- Sát hạch thực hành: 40.000 đồng/lần.
- Cấp giấy phép lái xe: 30.000 đồng.

b) Cấp mới giấy phép lái xe các hạng từ B₁, B₂, C:

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị học, thi lấy GPLX (theo mẫu);
- 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của người lái xe có động cơ (theo mẫu do bệnh viện huyện trở lên cấp);
- 01 Bảng kết quả học tập toàn khóa (do Trường CNKT-GTVT cấp);
- 01 Giấy Chứng chỉ nghề do trường CNKT-GTVT cấp;
- 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe;
- 01 Danh sách thí sinh trúng tuyển do Thư ký Hội đồng sát hạch cấp GPLX lập;
- 01 Bản sao giấy CMND (hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài).

Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định trúng tuyển (không kể ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu phí: Theo Thông tư số 53/2007/TT-BTC ngày 21/5/2007 của Bộ Tài chính ngày 21/5/2007 hướng dẫn chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

- Sát hạch lý thuyết: 70.000 đồng/lần.
- Sát hạch thực hành trong hình: 230.000 đồng/lần.
- Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 50.000 đồng/lần.

c) Cấp mới GPLX các hạng B₂, C, D, E, F (gọi chung là chuyển cấp nâng hạng).

Đây là các hạng GPLX được chuyển cấp từ B₁ lên B₂; B₂ lên C,D; C lên D,E do đó ngoài các hồ sơ tương tự như điểm b trên còn phải có thêm giấy xác nhận thâm niên và số km lái xe an toàn có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương (tùy trường hợp) và bản photocopy GPLX hiện có, đang còn hiệu lực sử dụng.

Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc khi có Quyết định trúng tuyển (không kể ngày nghỉ thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ tết theo qui định).

Lệ phí đối với cấp mới giấy phép lái xe các hạng được thu theo Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản

lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

- Sát hạch lý thuyết: 70.000 đồng/lần.
- Sát hạch thực hành trong hình: 230.000 đồng/lần.
- Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 50.000 đồng/lần.

d) Cấp đổi GPLX sắp hết hạn:

Người có GPLX trước khi hết hạn 60 ngày làm hồ sơ đổi GPLX,

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đổi, cấp lại GPLX (theo mẫu);
- 01 Hồ sơ lái xe đủ bộ (do cá nhân đang bảo quản);
- 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của người lái xe có động cơ (do bệnh viện huyện trở lên cấp);
- 01 Bản photocopy GPLX hiện có (kèm theo GPLX chính để đối chiếu);
- 03 Ảnh màu cỡ 3x4 kiểu chứng minh thư.

Khi đến đổi GPLX phải xuất trình giấy CMND để đối chiếu với hồ sơ.

Không chấp nhận nếu hồ sơ bị tẩy xóa, không còn đủ các yếu tố cần thiết hoặc GPLX hết hạn hoặc hồ sơ lái xe không được theo dõi trong sổ gốc.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 30.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

đ) Cấp đổi GPLX quá hạn:

- Người có GPLX đã hết hạn quá từ 01 tháng trở lên nhưng chưa quá 06 tháng, kể từ ngày hết hạn, có đủ hồ sơ gốc, thì được dự sát hạch lại lý thuyết để được cấp GPLX mới.

- Người có GPLX đã hết hạn quá từ 06 tháng trở lên, kể từ ngày hết hạn có đủ hồ sơ gốc, thì được dự sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành lái xe để được cấp GPLX mới, không phải dự học theo chương trình đào tạo.

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị sát hạch lại (theo mẫu);
- 01 Hồ sơ gốc của người lái xe;
- 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe (do bệnh viện huyện trở lên cấp);
- 03 ảnh màu cỡ 3x4 cm kiểu chụp Giấy CMND;
- 01 Bản photocopy GPLX quá hạn;
- 01 Bản photocopy Giấy CMND.

e) Đổi GPLX bị hỏng:

- GPLX còn thời hạn sử dụng thực hiện như sau.

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đổi, cấp lại GPLX (theo mẫu);
- 01 Hồ sơ lái xe đủ bộ (do cá nhân đang bảo quản);
- 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của người lái xe có động cơ (do bệnh viện huyện trở lên cấp);
- 01 Bản photocopy GPLX hiện có (kèm theo GPLX chính để đối chiếu);
- 03 Ảnh màu cỡ 3x4 kiểu chứng minh thư.

Khi đến đổi GPLX phải xuất trình giấy CMND để đối chiếu với hồ sơ.

Không chấp nhận nếu hồ sơ bị tẩy xóa, không còn đủ các yếu tố cần thiết hoặc hồ sơ lái xe không được theo dõi trong sổ gốc.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 30.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

f) Cấp lại GPLX bị mất:

GPLX còn thời hạn sử dụng và còn sơ hồ gốc bị mất trong trường hợp thiên tai như bão lụt, động đất, hoả hoạn được Công an hoặc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn xác nhận rõ lý do, thời gian, nơi mất GPLX. Người xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự xác nhận của mình; bị cướp, trộm cắp có biên bản khi xảy ra vụ việc do cơ quan công an lập.

Cơ quan quản lý GPLX lưu giữ bản xác nhận trên để quản lý. Nếu có đủ hồ sơ theo quy định tại điểm d nêu trên và không phát hiện GPLX bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì được xét cấp lại GPLX.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 30.000 đồng.

GPLX bị mất còn thời hạn sử dụng và còn hồ sơ gốc, ngoài các trường hợp thiên tai như bão lụt, động đất, hoả hoạn được Công an hoặc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn xác nhận rõ lý do, thời gian, nơi mất GPLX, sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ thủ tục theo hướng dẫn gồm:

- 01 Đơn đề nghị sát hạch lại (theo mẫu)
- 01 Hồ sơ gốc của người lái xe;
- 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe (do bệnh viện huyện trở lên cấp);
- 03 ảnh màu cỡ 3x4 cm kiểu chụp Giấy CMND;
- 01 Bản photocopy Giấy CMND.

Nếu không phát hiện GPLX bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì được

dự sát hạch lại lý thuyết.

GPLX quá hạn bị mất, sau 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, nếu không phát hiện GPLX bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì phải dự sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành lái xe. GPLX quá hạn và bị mất hồ sơ gốc phải dự thi cả lý thuyết và thực hành.

- Đối với người có GPLX bị mất và không còn hồ sơ gốc, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch địa phương, có xác nhận của cơ sở đào tạo, không bị công an thu giữ, sau 12 tháng được sát hạch lại lý thuyết và thực hành.

- Nếu tìm được GPLX bị mất, người lái xe phải trả GPLX mới cho cơ quan quản lý.

- Người cố tình gian dối, giả báo mất hoặc tẩy xóa làm sai lệch các thông tin trên GPLX, trong quá trình làm thủ tục đổi hoặc đề nghị cấp lại, sát hạch cấp lại GPLX, khi kiểm tra phát hiện sẽ bị các cơ quan quản lý GPLX ra quyết định thu hồi GPLX và hồ sơ lái xe. Người lái xe phải tham dự khoá đào tạo mới để được sát hạch cấp GPLX.

- Đối với người có GPLX bị thu hồi không thời hạn, sau thời hạn 1 năm kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi (hoặc tước quyền sử dụng giấy phép lái xe không thời hạn), nếu có nhu cầu, được dự học lại Luật giao thông đường bộ, đạo đức người lái xe, được kiểm tra và có chứng nhận của cơ sở đào tạo đã hoàn thành nội dung học và nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định thì được dự sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành lái xe để được cấp giấy phép lái xe.

Lệ phí và thời gian cấp GPLX đối với trường hợp phải sát hạch lại áp dụng như trường hợp cấp mới nêu trên.

g) Đổi từ GPLX quân sự sang dân sự:

Người có giấy phép lái xe quân sự còn giá trị sử dụng (do Cục quản lý xe máy - Tổng cục kỹ thuật - Bộ Quốc phòng cấp) khi ra quân được đổi sang GPLX dân sự có hạng tương.

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đổi, cấp lại GPLX (Theo mẫu);

- 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của người lái xe có động cơ (do bệnh viện huyện trở lên cấp);

- 01 Quyết định ra quân (phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành ...) trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày ký quyết định ra quân;

- 01 Giấy giới thiệu của Cục quản lý xe máy hoặc chủ nhiệm ngành xe máy cấp quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, hoặc tương đương;

- 01 Bản gốc GPLX quân sự còn thời hạn sử dụng;

- 03 ảnh màu cỡ 3x4 cm kiểu chụp Giấy CMND.

Khi đến cần mang theo giấy CMND để đối chiếu với hồ sơ.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 30.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

h) Đổi GPLX do ngành Công an cấp (trừ GPLX các hạng A1, A2)

Cán bộ, chiến sĩ Công an, có GPLX do ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, khi chuyển sang dân sự, nếu có nhu cầu lái xe, làm hồ sơ đổi sang GPLX dân sự.

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đổi, cấp lại GPLX (Theo mẫu);
- 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của người lái xe có động cơ (do bệnh viện huyện trở lên cấp);
- 01 Quyết định chuyển sang dân sự trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký;
- 01 Giấy giới thiệu của cơ quan cấp GPLX của ngành Công an;
- 01 Bản gốc GPLX do ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng;
- 03 ảnh màu cỡ 3x4 cm kiểu chụp Giấy CMND.

Cần mang theo Giấy CMND để đối chiếu với hồ sơ.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 30.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

Lưu ý: Bằng lái xe do ngành Công an cấp trước ngày 22/11/1990 không có giá trị pháp lý để đổi lấy GPLX do ngành GTVT cấp.

i) Đổi GPLX của nước ngoài cấp cho người nước ngoài (kể cả người nước ngoài gốc Việt Nam).

Người nước ngoài có thời hạn lưu trú tại nước Việt Nam từ 3 tháng trở lên có bằng lái xe quốc tế hay quốc gia (do nước ngoài cấp) còn thời hạn sử dụng được phép đổi sang GPLX Việt Nam,

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đổi GPLX (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý người nước ngoài tại Việt Nam (Đại sứ quán, lãnh sự quán, cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam hoặc Bộ Ngoại giao, các Sở Ngoại vụ của Việt Nam)
- 01 Bản photocopy GPLX nước ngoài;
- 01 Bản dịch GPLX sang tiếng Việt do Trung tâm dịch vụ đối ngoại Sở Ngoại vụ Tỉnh BR-VT cấp;
- 01 Bản photocopy hộ chiếu và VISA còn thời hạn;
- 03 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp nhìn thẳng.

Lưu ý:

Nếu đổi GPLX lần tiếp theo, phải có các tài liệu như qui định tại các gạch đầu

dòng trên và bản photocopy GPLX đang có do Việt Nam cấp.

Khi đến cần mang theo các bản chính GPLX, hộ chiếu (passport) và VISA để đối chiếu với các bản photocopy.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 30.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

k) Đổi GPLX cho khách du lịch nước ngoài, lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam.

Khách du lịch nước ngoài, lái xe đăng ký nước ngoài vào du lịch Việt Nam, có GPLX quốc tế hay quốc gia (do nước ngoài cấp) còn giá trị sử dụng, nếu có nhu cầu lái xe phải làm thủ tục đổi sang GPLX của Việt Nam.

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đổi GPLX (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý người nước ngoài tại Việt Nam (Đại sứ quán, lãnh sự quán, cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam hoặc Bộ Ngoại giao, các Sở Ngoại vụ của Việt Nam);

- 01 Bản photocopy GPLX nước ngoài;

- 01 Bản dịch GPLX sang tiếng Việt do Trung tâm dịch vụ đối ngoại Sở Ngoại vụ Tỉnh BR-VT cấp;

- 01 Bản photocopy hộ chiếu và VISA còn thời hạn;

- 03 ảnh màu cỡ 3x4cm chụp nhìn thẳng.

Trường hợp khi đăng ký vào Việt Nam, khách du lịch chưa có điều kiện xuất trình hộ chiếu (passport) và GPLX nước ngoài, Sở GTVT sẽ căn cứ vào danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an và bản dịch GPLX (kèm theo bản photo GPLX nước ngoài), để làm sẵn GPLX Việt Nam. Các GPLX Việt Nam này chỉ cấp cho những khách du lịch thực sự vào Việt Nam, sau khi đã đối chiếu với hộ chiếu (passport) và GPLX do nước ngoài cấp.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 30.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

l) Đổi GPLX do nước ngoài cấp cho người Việt Nam trong thời gian học tập, làm việc, lưu trú ở nước ngoài:

- Người Việt Nam mang quốc tịch Việt Nam.

Trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài, được nước ngoài cấp GPLX quốc tế hoặc quốc gia còn giá trị sử dụng, nay về nước với thời gian từ 03 tháng trở lên, sau đó lại ra nước ngoài để cư trú, công tác, học tập, nếu có nhu cầu lái xe trong nước phải làm thủ tục đổi sang GPLX của Việt Nam.

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đổi GPLX (theo mẫu qui định);
- 01 Bản photocopy GPLX nước ngoài;
- 01 Bản dịch GPLX nước ngoài sang tiếng việt (tại trung tâm dịch vụ đối ngoại, Sở Ngoại vụ tỉnh BR-VT);
- 02 ảnh (hình) màu cỡ 3x4cm kiểu chụp Giấy CMND;

Khi đến nộp hồ sơ, cần mang theo các bản chính của hộ chiếu (passport), VISA, GPLX nước ngoài để đổi chiếu.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 30.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

Người Việt Nam mang quốc tịch Việt Nam:

Trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài, được nước ngoài cấp GPLX quốc tế hoặc quốc gia còn giá trị sử dụng, nay trở về nước, nếu có nhu cầu lái xe phải làm thủ tục đổi sang GPLX của Việt Nam.

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đổi GPLX (theo mẫu qui định);
- 01 Giấy Chứng nhận đủ sức khoẻ (theo mẫu của Bệnh viện);
- 01 Bản photocopy hộ chiếu (passport) gồm các trang: Số của hộ chiếu, thời hạn sử dụng, thị thực nhập cảnh về Việt Nam, họ tên và hình ảnh;
- 01 Bản photo GPLX nước ngoài;
- 01 Bản dịch GPLX nước ngoài sang tiếng Việt tại Trung tâm dịch vụ đối ngoại thuộc Sở Ngoại vụ tỉnh BR-VT;
- 02 ảnh (hình) màu cỡ 3x4cm kiểu chụp Giấy CMND.

Khi đến nộp hồ sơ cần mang theo hộ chiếu, GPLX nước ngoài cấp, sổ hộ khẩu để đổi chiếu với hồ sơ.

Không chấp nhận hồ sơ nếu GPLX xin đổi đã hết thời hạn hiệu lực hoặc có hiện tượng tẩy xóa, rách nát không còn yếu tố cần thiết để đổi hoặc có sự khác biệt về nhận dạng.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết).

Mức thu lệ phí: 30.000đ (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

4. Quy định thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký xe, máy thi công:

a) Thủ tục cấp, đăng ký mới xe, máy chuyên dùng:

Hồ sơ gồm có:

- 01 Tờ khai xin đăng ký, cấp biển số xe, máy thi công (theo mẫu);
- 01 Hóa đơn tài chính;
- 01 Chứng từ XNK, nếu xe, máy thi công được nhập khẩu hoặc Phiếu chứng nhận xuất xưởng đối với xe, máy chuyên dùng được sản xuất lắp ráp trong nước;
- 01 Hồ sơ kỹ thuật.

Nếu không có đủ hồ sơ như gạch đầu dòng thứ 2 và 3 của điểm a Chủ sở hữu xe, máy chuyên dùng phải thực hiện thêm một số công việc sau, trước khi Sở GTVT chính thức nhận hồ sơ:

- Có bản cam đoan về tính hợp pháp của xe, máy chuyên dùng (giấy cam đoan theo mẫu).

- Tiến hành kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (cơ quan kiểm tra: Chi cục Đăng kiểm 9)

- Phối hợp với Sở GTVT để tiến hành thông báo về việc mất hoặc thất lạc hồ sơ gốc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thời gian xét duyệt và trả hồ sơ kể từ lúc kiểm tra thực tế xe, máy phù hợp với hồ sơ là 15 ngày làm việc (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: theo Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

- Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm biển số: 150.000 đồng
- Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm biển số: 30.000 đồng
- Cấp giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời: 50.000 đồng
- Đóng lại số khung máy: 50.000 đồng

b) Thủ tục cấp, đăng ký biển số đối với xe, máy chuyên dùng chuyển quyền sở hữu:

Trường hợp chuyển quyền sở hữu trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- 01 Tờ khai cấp, đăng ký biển số theo mẫu quy định;
- 01 Hoá đơn tài chính, hợp đồng mua bán hoặc Giấy chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chuyển quyền sở hữu khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- 01 Tờ khai cấp, đăng ký biển số theo mẫu quy định;
- 01 Hoá đơn tài chính, hợp đồng mua bán hoặc Giấy chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- 01 Hồ sơ đăng ký lần đầu theo quy định tại điểm a;

- 01 Phiếu sang tên di chuyển theo mẫu quy định.

Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 30.000 đồng (theo Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

5. Thủ tục đăng ký, đăng ký lại, chuyển sở hữu, chuyển vùng phương tiện thủy nội địa:

a) Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu.

- 01 Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu số 1;

- 02 ảnh khổ 10 x15cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

- 01 Hóa đơn nộp thuế trước bạ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn xuất trình các giấy tờ sau:

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm ;

- Giấy phép nhập khẩu phương tiện theo quy định của pháp luật, đối với phương tiện nhập khẩu;

- Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

- Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam, đối với cá nhân nước ngoài.

Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 70.000 đồng

b) Thủ tục đăng ký lại phương tiện thủy nội địa:

Trường hợp chuyển quyền sở hữu, hồ sơ đăng ký lại phương tiện gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện theo mẫu số 2;

- 02 ảnh khổ 10X15cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký thủy nội địa;

- 01 Hóa đơn nộp thuế trước bạ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn xuất trình giấy tờ sau:

- Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

- Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ

chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam, đối với cá nhân nước ngoài.

Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 70.000 đồng.

Trường hợp thay đổi tính năng kỹ thuật, hồ sơ đăng ký lại phương tiện gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện theo mẫu số 3;
- 02 ảnh khổ 10x15cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký thủy nội địa.

Ngoài ra còn xuất trình giấy tờ sau:

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 70.000 đồng.

Trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc đăng ký hộ khẩu sang tỉnh, thành phố khác trực thuộc trung ương, hồ sơ đăng ký lại phương tiện gồm có:

- 01 Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện theo mẫu số 4;
- 02 ảnh khổ 10x15cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký thủy nội địa.

Ngoài ra còn xuất trình thêm giấy tờ sau:

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường của phương tiện sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

Thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 70.000 đồng.

c) Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận phương tiện.

Trường hợp Giấy chứng nhận phương tiện bị mất do phương tiện bị chìm đắm hoặc cháy hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận phương tiện bao gồm:

- 01 Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện theo mẫu số 5, có xác nhận của cơ quan Cảnh sát đường thủy nội địa quản lý địa bàn nơi phương tiện bị cháy hoặc chìm đắm.
- 02 ảnh khổ 10x15cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

Ngoài ra còn xuất trình thêm giấy tờ sau:

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện sau khi phương tiện đã sửa chữa xong, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hồ sơ hợp lệ (không

kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 70.000 đồng.

Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa bị mất vì các lý do khác, hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận phương tiện thủy nội địa bao gồm:

- 01 Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện theo mẫu số 5, có xác nhận của cơ quan Cảnh sát đường thủy nội địa quản lý ở địa bàn nơi phương tiện bị xảy ra sự việc.

- 02 ảnh khổ 10x15cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

Ngoài ra còn xuất trình thêm giấy tờ sau:

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Lệ phí mỗi lần cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa: 70.000 đồng.

6. Thủ tục thẩm định thiết kế cải tạo phương tiện cơ giới:

a) Thủ tục thẩm định thiết kế:

Hồ sơ gồm:

- Các bản vẽ kỹ thuật:

01 Bản vẽ bố trí chung trước khi cải tạo;

01 Bản vẽ bố trí chung sau khi cải tạo;

01 Bản vẽ lắp đặt tổng thành hệ thống được cải tạo hoặc thay thế;

01 Bản vẽ về những chi tiết được cải tạo, thay thế bao gồm cả hướng dẫn công nghệ và vật liệu được phép sử dụng khi cải tạo thay thế.

01 Thuyết minh tính toán (giới thiệu nhu cầu cải tạo, đặc tính kỹ thuật cơ bản của phương tiện trước và sau khi cải tạo, nội dung cải tạo và các bước công nghệ thi công, tính toán đặc tính động học, động lực học, kiểm nghiệm sức bền liên quan, nội dung cải tạo, những hướng dẫn cần thiết sử dụng phương tiện sau cải tạo, kết luận).

Thời gian xét duyệt: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 200.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

b) Thủ tục nghiệm thu chất lượng kỹ thuật:

Sau khi thi công xong sản phẩm tại cơ sở thi công, hội đồng nghiệm thu sẽ đánh giá và quản lý chất lượng trước khi sản phẩm được đưa ra sử dụng.

Hồ sơ gồm:

- 01 Công văn đề nghị của cơ sở thi công cải tạo;

- 01 Bản photocopy Giấy chứng nhận ĐKKD của cơ sở thi công cải tạo;
- 01 Hồ sơ thiết kế của phương tiện đã được thẩm định;
- 01 Biên bản nghiệm thu xuất xưởng (KCS) của cơ sở thi công sản phẩm đối với sản phẩm cần nghiệm thu;

- 01 Bản photo Giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện hoặc Chứng từ nhập khẩu đối với phương tiện đã qua sử dụng được phép nhập khẩu chưa có đăng ký biển số.

Hội đồng sau khi nghiệm thu sản phẩm đạt yêu cầu kỹ thuật thì chậm nhất là 02 ngày sẽ có biên bản nghiệm thu chất lượng kỹ thuật.

Mức thu lệ phí: 200.000 đồng (Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ).

7. Thủ tục cấp giấy phép thi công:

a) Hồ sơ gồm:

- 01 Đơn xin phép của đơn vị thi công;
- 01 Văn bản chủ trương về xây dựng dự án;
- 01 Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt;
- 01 Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt;
- 01 Bản cam kết tự di dời và không bồi thường của chủ đầu tư;
- 01 Các văn bản thoả thuận của các ngành khác liên quan;
- 01 Thiết kế, biện pháp thi công và tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông, bằng tiến độ thi công.

b) Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Sau 45 ngày kể từ ngày cấp phép mà không khởi công thì sẽ bị thu hồi giấy phép.

c) Mức thu lệ phí: Không có.

8. Thủ tục công bố cảng và cấp Giấy phép bến thủy nội địa:

a) Thủ tục công bố cảng hàng hoá, cảng hành khách:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

Ngoài thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành, chủ đầu tư phía cơ quan có thẩm quyền công bố cảng Tờ trình về đầu tư xây dựng cảng, nội dung gồm có: Dự kiến quy mô và địa điểm xây dựng, mục đích sử dụng, phạm vi vùng nước, luồng vào cảng, loại phương tiện thủy lớn nhất được phép tiếp nhận, phương án khai thác, vùng đón trả hoa tiêu (đối với cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài).

Cơ quan có thẩm quyền xem xét ý kiến bằng văn bản thì có ý kiến chấp nhận bằng văn bản, nếu không chấp nhận nêu rõ lý do.

Thời gian giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

- Giai đoạn thực hiện dự án:

Trước khi thi công xây dựng cảng, chủ đầu tư nộp cơ quan có thẩm quyền công bố cảng bản sao quyết định phê duyệt TKKT công trình cảng, bình đồ vùng nước cảng, thiết kế lắp đặt báo hiệu xác định vùng nước cảng và phương án đảm bảo ATGT khi thi công. Quá trình thi công nếu thay đổi nội dung đã duyệt phải được sự chấp nhận của cơ quan có thẩm quyền

- b) Thủ tục công bố cảng thủy nội địa:

- Đối với cảng không nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị công bố cảng Thủy nội địa (theo mẫu);
- 01 Bản sao quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- 01 Biên bản nghiệm thu đưa công trình cảng vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt cắt ngang công trình cầu cảng và bình đồ vùng nước cảng;
- 01 Bản sao giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;
- 01 Văn bản của đơn vị Quản lý đường thủy nội địa xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa và hoàn thành việc thanh thải chứng ngại vật hình thành trong quá trình xây dựng cảng (nếu có);
- 01 Giấy chứng nhận ATKT và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi);
- 01 Các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng hoá nguy hiểm theo quy định của pháp luật (nếu cảng chuyên xếp dỡ hàng hoá nguy hiểm);

Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 40.000 đồng.

- Đối với cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa đến Sở GTVT gồm các thủ tục hồ sơ như đối với cảng không tiếp nhận tàu nước ngoài. Sở GTVT thẩm tra hồ sơ và có văn bản trình Bộ GTVT kèm theo hồ sơ đề nghị công bố cảng, bến thủy nội địa.

- c) Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa đối với bến hàng hoá, bến hành khách:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu mở bến hàng hoá, bến hành khách gửi cơ quan có thẩm quyền đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa (theo mẫu).

Cơ quan có thẩm quyền xem xét và trả lời bằng văn bản ghi ý kiến chấp thuận vào đơn trả lại tổ chức, cá nhân, nếu không đồng ý phải nêu rõ lý do.

Thời gian trả lời: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.

- Sau khi được chấp thuận, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa;
- 01 Bản sao giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;
- 01 Sơ đồ vùng nước bến và luồng vào bến (nếu có) có xác nhận của đơn vị quản lý đường thủy nội địa v/v hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa;
- 01 Giấy chứng nhận ATKT và bảo vệ môi trường của phương tiện và giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đối với phao nổi (nếu sử dụng phao nổi);
- 01 Các giấy tờ liên quan đến điều kiện xếp dỡ hàng hoá nguy hiểm theo quy định của pháp luật;

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 40.000 đồng.

d) Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bến ngang sông:

Hồ sơ gồm có:

- 01 Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động bến khách ngang sông có xác nhận của UBND xã phường (theo mẫu).
- 01 Văn bản xác nhận của đơn vị quản lý đường thủy nội địa về vị trí đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu.
- 01 Bản thiết kế công trình bến tiêu chuẩn cấp kỹ thuật bến phà, đối với bến có phương tiện vận tải ngang sông được phép chở ô tô.

Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ chấp thuận thì ghi ý kiến bằng văn bản gửi tổ chức, cá nhân xin mở bến đề tiến hành các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật và xây dựng lắp đặt các trang thiết bị an toàn, hệ thống báo hiệu theo quy định.

Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Sau khi hoàn thành việc xây dựng, chủ khai thác bến gửi hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp phép, gồm:

- 01 Văn bản của đơn vị quản lý đường thủy nội địa xác nhận việc hoàn thành lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa
- 01 Bản sao giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất;
- 01 Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- 01 Bản sao giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận ATKT và bảo vệ môi trường của phương tiện vận tải khách ngang sông;
- 01 Bản sao bằng, chứng chỉ chuyên môn của người điều khiển phương tiện vận tải hành khách ngang sông;
- 01 Bản nghiệm thu hoàn công công trình có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về đầu tư xây dựng, đối với bến có phương tiện vận tải hành khách ngang sông được phép chở ô tô;

- 01 Hợp đồng thuê bến, nếu chủ khai thác không phải là chủ bến.

Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 40.000 đồng.

đ) Thủ tục công bố lại cảng thủy nội địa, cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa:

- Đối với cảng, bến hàng hoá và cảng, bến hành khách:

Khi Quyết định công bố hoặc giấy phép hoạt bến hết hạn thì chủ cảng bến gửi đơn đề nghị công bố lại hoặc cấp lại giấy phép. Trong trường hợp nếu có thay đổi thì đơn đề nghị công bố, cấp phép phải ghi rõ thay đổi so với hồ sơ nộp lần trước, kèm các giấy tờ về thay đổi này.

- Trong trường hợp đầu tư xây dựng bổ sung để nâng cao khả năng thông qua hoặc tiếp nhận phương tiện loại lớn hơn, chủ cảng phải thực hiện các bước như mục như công bố hoặc cấp giấy phép lần đầu tiên.

- Trường hợp phân chia, sáp nhập cảng, bến, chủ bến có đơn gửi cơ quan có thẩm quyền đề nghị công bố lại cảng, bến thủy nội địa kèm theo những giấy tờ sau:

Quyết định hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép phân chia, sáp nhập cảng, bến thủy nội địa

Các giấy tờ thủ tục được quy định như công bố cảng và cấp giấy phép thủy nội địa phần trên.

- Trường hợp chuyển quyền sở hữu, chủ bến có đơn gửi cơ quan có thẩm quyền công bố lại hoặc cấp phép lại kèm theo các văn bản hợp pháp về chuyển nhượng tài sản theo quy định của pháp luật.

Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

Mức thu lệ phí: 40.000 đồng.

- Đối với bến khách ngang sông:

Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bến ngang sông được thực hiện theo quy định như đối với cảng, bến hàng hoá và cảng, bến hành khách và do chủ khai thác thực hiện

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép bến khách ngang sông phải có xác nhận của UBND xã kèm theo hồ sơ tương ứng với từng trường hợp

Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo định).

Mức thu lệ phí: 40.000 đồng.

9. Thủ tục thẩm định thiết kế cơ sở:

a) Hồ sơ gồm có:

Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở (theo mẫu tại phụ lục số 1 Thông tư 02/2007/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ xây dựng) của Chủ đầu tư (đối với trường hợp Chủ

đầu tư gửi trực tiếp) hoặc văn bản đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở do đơn vị đầu mối thẩm định;

Hồ sơ báo cáo công tác khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn bước dự án đầu tư;

Hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án (theo điều 3 Nghị định 112/2006/NĐ-CP) bao gồm:

Thuyết minh thiết kế cơ sở;

Bảng tính thiết kế kết cấu;

Khối lượng; các hạng mục công việc và tổng mức đầu tư kèm theo;

Các bản vẽ thiết kế cơ sở theo quy định;

Biên bản nghiệm thu thiết kế, khảo sát của Chủ đầu tư.

Bản thỏa thuận vị trí công trình, quy mô và cấp công trình đã được chấp thuận của các đơn vị có liên quan;

Văn bản thỏa thuận của Cấp nước, Điện lực, Công ty cây xanh, Thoát nước Đô thị và của địa phương đối với các tuyến đường trong Đô thị (nếu có);

Văn bản cho phép chủ trương đầu tư.

Chứng nhận đăng ký kinh doanh của các đơn vị tư vấn khảo sát thiết kế;

Chứng chỉ hành nghề của cá nhân thiết kế, Chủ nhiệm đồ án.

b) Thời gian thẩm định kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- 15 ngày đối với nhóm B.

- 10 ngày đối với nhóm C.

(Không kể ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, tết theo qui định).

c) Mức thu lệ phí: Thu theo Thông tư số 109/2000/TT-BTC ngày 13/11/2000 của Bộ tài chính.

10. Quản lý và cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng 3 phương tiện thủy nội địa:

a) Cấp mới bằng thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba.

Hồ sơ gồm có:

01 Danh sách thí sinh trúng tuyển;

03 Ảnh màu nền trắng cỡ 3 x4 cm kiểu CMND;

01 Giấy khám sức khỏe;

01 Giấy chứng nhận bơi lội.;

01 Bản sao Giấy khai sinh (hoặc CMND).

b) Đổi bằng thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba.

Hồ sơ gồm có:

01 Đơn đề nghị đổi bằng;

01 Bằng thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba hiện có;

03 ảnh màu nền trắng cỡ 3x4 cm kiểu CMND;

01 Bản photocopy chứng minh nhân dân.

c) Cấp lại bằng thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba.

Hồ sơ gồm có:

01 Đơn đề nghị cấp lại bằng;

01 Đơn cơ mất bằng có xác nhận của cơ quan công an nơi bị mất;

03 ảnh màu nền trắng cỡ 3x4 cm;

01 Bản photocopy chứng minh nhân dân.

Thời gian giải quyết: không quá 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Mức thu phí:

- | | |
|--|---------------------------------|
| - Lệ phí thi thuyền trưởng hạng ba: | 170.000 đồng/giấy phép hoặc lần |
| - Lệ phí thi máy trưởng hạng ba: | 140.000 đồng/giấy phép hoặc lần |
| - Lệ phí cấp, đổi bằng thuyền, máy trưởng: | 50.000 đồng/giấy phép hoặc lần |
| - Lệ phí cấp giấy phép lái đò: | 20.000 đồng/giấy phép hoặc lần |
| - Lệ phí điều khiển gia dụng: | 20.000 đồng/giấy phép hoặc lần |

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5: Giám đốc Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm:

1. Ban hành Quyết định thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; xây dựng Quy chế làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Quy chế phối hợp giữa Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả với các phòng chuyên môn.

2. Bố trí cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ và tư cách đạo đức để bố trí làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

3. Sắp xếp, bố trí nơi làm việc hợp lý có đủ trang thiết bị cần thiết để đảm bảo thuận tiện cho việc giao dịch tiếp xúc của công dân.

4. Mở đầy đủ các loại sổ sách theo mẫu quy định.

5. Niêm yết công khai các thủ tục hành chính; Quy trình; thẩm quyền giải quyết; Phí, lệ phí và thời gian giải quyết theo quy định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *Handwritten*

CHỦ TỊCH



21

Trần Minh Sanh